**Trịnh Công Thanh**

**Giám đốc Công ty cổ phần thương mại điện tử BuBa Việt Nam**

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này điều chỉnh các hoạt động kinh doanh bán hàng hóa hoặc dịch vụ qua internet và mạng thông tin khác; bao gồm trách nhiệm của các cá nhân/tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; bảo vệ dữ liệu cá nhân; sở hữu trí tuệ (chống hàng giả), và giải quyết tranh chấp. Nhằm phát triển thương mại số và nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng cho cơ quan quả lý nhà nước, tổ chức/cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia trực tiếp hoặc liên quan đến thương mại điện tử, bao gồm cả các nền tảng thương mại điện tử trong nước và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Các sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà bán hàng cá nhân, người tiêu dùng, và các nền tảng cung cấp ứng dụng thương mại điện tử như CHPlay, Appstore, AppGalery... các dịch vụ hỗ trợ logistics, thanh toán điện tử, và các dịch vụ khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động thương mại điện tử là việc tham gia một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng hoá hoặc dịch vụ qua internet và mạng thông tin khác.

2. Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại điện tử (sau đây gọi tắt là chứng từ điện tử) của hàng hoá, dịch vụ bao gồm: tên gọi, mô tả, số lượng, trọng lượng, kích thước, nguồn gốc xuất xứ, nội dung tư vấn, đề nghị, thông báo, xác nhận và các tài liệu khác ở dạng chữ, hình ảnh, video, âm thanh để phục vụ hoạt động thương mại điện tử.

3. Nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số được thiết lập dưới dạng website hoặc ứng dụng số, và mạng thông tin khác để thực hiện hoạt động thương mại điện tử, bao gồm nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp, nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử và nền tảng tích hợp đa dịch vụ.

4. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp là nền tảng thương mại điện tử do các tổ chức, cá nhân thiết lập để trực tiếp thực hiện hoạt động mua bán sản phẩm, hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ.

5. Nền tảng thương mại điện tử trung gian là nền tảng thương mại điện tử cho phép nhiều bên đăng ký tài khoản để thực hiện hoạt động giới thiệu, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên chính nền tảng đó, có một trong các chức năng: mở gian hàng, đặt hàng trực tuyến, tiếp thị liên kết hoặc phát trực tuyến bán hàng.

6. Mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử là mạng xã hội có một trong các chức năng: mở gian hàng, đặt hàng trực tuyến, tiếp thị liên kết hoặc phát trực tuyến bán hàng.

7. Nền tảng tích hợp đa dịch vụ là nền tảng thương mại điện tử cho phép tích hợp các nền tảng thương mại điện tử khác trên cùng một hệ thống.

8. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử là tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý và vận hành nền tảng đó.

9. Chức năng đặt hàng trực tuyến là chức năng của nền tảng thương mại điện tử cho phép thực hiện toàn bộ quy trình giao kết hợp đồng điện tử, trên nền tảng, bao gồm cả việc giao kết hợp đồng với hệ thống thông tin tự động.

10. Chức năng liên lạc trực tuyến là chức năng của nền tảng thương mại điện tử cho phép các bên trao đổi thông tin.

11. Chức năng phát trực tuyến bán hàng (livestream bán hàng) là chức năng của nền tảng thương mại điện tử truyền tải truyền phát trực tiếp âm thanh, hình ảnh giới thiệu, quảng cáo về hàng hoá, dịch vụ trên nền tảng đó.

12. Người livestream là người trực tiếp xuất hiện để thực hiện livestream bán hàng, hoặc hỗ trợ bán hàng.

13. Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là dịch vụ của bên thứ ba về lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn dữ liệu của hợp đồng điện tử.

14. Dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử là dịch vụ logistics được thực hiện gắn với các hoạt động mua bán hàng hóa trên các nền tảng thương mại điện tử.

15. Dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử là dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán được thực hiện gắn với các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trên các nền tảng thương mại điện tử.

16. Dịch vụ tiếp thị liên kết trong thương mại điện tử là dịch vụ tiếp thị hàng hóa, dịch vụ thông qua hệ thống liên kết (đường dẫn truy cập, mã giới thiệu hoặc phương thức tương tự) được phân phối bởi người tiếp thị liên kết trên các nền tảng thương mại điện tử. Tổ chức cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết và người tiếp thị liên kết trong thương mại điện tử được nhận hoa hồng hoặc các lợi ích hợp pháp khác theo thỏa thuận giữa các bên.

17. Phản hồi, đánh giá là chức năng của nền tảng thương mại điện tử cho phép người sử dụng thể hiện ý kiến đánh giá, nhận xét đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ.

18. Người bán là chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp hoặc tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản của mình trên nền tảng thương mại điện tử để thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ.

19. Người mua là tổ chức, cá nhân mua hàng hóa hoặc dịch vụ trên nền tảng thương mại điện tử.

20. Thương mại số là hoạt động thương mại về hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm nội dung thông tin số và dịch vụ nội dung thông tin số được giao dịch, phân phối, thanh toán và truyền dữ liệu trên nền tảng số.

21. Hợp đồng tự động là hợp đồng điện tử được giao kết, thực hiện hoàn toàn hoặc một phần thông qua hệ thống thông tin tự động.

Điều 4. Áp dụng Luật Thương mại điện tử và pháp luật có liên quan

1. Hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Thương mại điện tử và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp luật khác có liên quan ban hành trước ngày Luật Thương mại điện tử có hiệu lực thi hành mà có quy định khác về điều kiện và trách nhiệm đối với nền tảng thương mại điện tử với quy định của Luật Thương mại điện tử thì thực hiện theo quy định của luật khác có liên quan; Trường hợp luật khác có liên quan không quy định thì quy định của Luật Thương mại điện tử được áp dụng.

3. Trường hợp Luật khác ban hành sau khi Luật Thương mại điện tử có hiệu lực thi hành có quy định về hoạt động thương mại điện tử khác với quy định của Luật Thương mại điện tử thì phải quy định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Thương mại điện tử, nội dung thực hiện theo quy định của Luật đó.

Điều 5. Các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại điện tử

1. Tự nguyện, tự do thoả thuận

2. Bảo vệ người tiêu dùng, người dùng khi tham gia vào các hoạt động thương mại điện tử.

3. Bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ.

4. Chống cạnh tranh không lành mạnh

Điều 6. Những hành vi bị cấm (Đổi điều 7 thành điều 6 cho liền mạch)

1. Lợi dụng danh nghĩa hoạt động thương mại điện tử, sử dụng nền tảng thương mại điện tử để huy động hợp tác, huy động góp vốn trái phép từ các tổ chức, cá nhân khác.

2. Thực hiện các hành vi lừa đảo, lừa dối trên nền tảng thương mại điện tử.

3. Có hành vi gian dối hoặc cố ý cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện các thủ tục hành chính về thương mại điện tử hoặc khi cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước.

4. Sử dụng đường dẫn, chỉ dẫn thương mại hoặc các hiển thị khác trên nền tảng thương mại điện tử để gây nhầm lẫn về mối liên hệ với tổ chức, cá nhân khác.

5. Kinh doanh hoặc tạo điều kiện cho người khác kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng nhập lậu, hàng hoá không rõ nguồn gốc, xuất xứ, hàng hoá quá hạn sử dụng, hàng hoá vi phạm quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá và các quy định pháp luật khác trên nền tảng thương mại điện tử.

6. Bán hàng livestream đối với hàng hoá, dịch vụ cấm quảng cáo theo quy định pháp luật.

7. Ép buộc hoặc ngăn cản người sử dụng đăng ký sử dụng hoặc sử dụng nền tảng thương mại điện tử khác như là điều kiện bắt buộc để sử dụng dịch vụ.

8. Sử dụng các thuật toán hoặc biện pháp để hạn chế hoặc ưu tiên việc hiển thị hàng hóa, dịch vụ của người bán mà không công khai tiêu chí lựa chọn chính được sử dụng.

9. Sử dụng biện pháp để ngăn hiển thị hoặc hiển thị không trung thực kết quả phản hồi, đánh giá của người mua về hàng hóa, dịch vụ và người bán trên nền tảng thương mại điện tử, trừ trường hợp phản hồi, đánh giá đó vi phạm quy định của pháp luật hoặc trái chuẩn mực đạo đức xã hội.

10. Xâm phạm hoặc can thiệp vào dữ liệu cá nhân, tổ chức trong hoạt động thương mại điện tử để thực hiện hành vi lừa đảo, gây hại hoặc trục lợi.

Điều 7. Hợp tác quốc tế về thương mại điện tử

1. Hoạt động hợp tác quốc tế về thương mại điện tử được thực hiện trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về thương mại điện tử mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

2. Hoạt động hợp tác quốc tế về thương mại điện tử bao gồm:

a) Ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế và tham gia tổ chức khu vực, tổ chức quốc tế về thương mại điện tử, thương mại số;

b) Xây dựng và thực hiện chương trình, dự án chung về thương mại điện tử trong khuôn khổ thỏa thuận song phương, đa phương, khu vực, liên khu vực và quốc tế;

c) Tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về thương mại điện tử và các hoạt động khác về thương mại điện tử xuyên biên giới.

Điều 8. Quản lý nhà nước về thương mại điện tử

1. Nội dung quản lý nhà nước về thương mại điện tử bao gồm:

a) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thương mại điện tử; Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển thương mại điện tử quốc gia theo từng thời kỳ;

b) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thương mại điện tử; hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử trong quản lý, phát triển thương mại điện tử;

c) Quản lý, giám sát các chủ thể tham gia hoạt động thương mại điện tử;

d) Báo cáo, thống kê về thương mại điện tử; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về thương mại điện tử; quản lý, giám sát, phát triển thị trường thương mại điện tử;

đ) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về thương mại điện tử;

e) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực;

g) Hợp tác quốc tế về thương mại điện tử.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử được quy định như sau:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

b) Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công Thương quản lý nhà nước về thương mại điện tử, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu có liên quan đến thương mại điện tử với Bộ Công Thương;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại địa phương; thực hiện công tác thống kê thương mại điện tử, xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử tại địa phương, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu với Bộ Công Thương.

Chương II

GIAO KẾT HỢP ĐỒNG TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 9. Điều kiện giao dịch chung trong thương mại điện tử

1. Điều kiện giao dịch chung phải bao gồm các nội dung sau:

a) Chính sách bảo mật;

b) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

c) Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp;

d) Đối với nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến, điều kiện giao dịch chung phải bao gồm chính sách về giá, giao hàng, thanh toán, chính sách đổi trả hàng và hoàn tiền;

đ) Các nội dung khác do Chính phủ quy định. (Nên bỏ khoản này để Luật có thể áp dụng đc ngay tránh tình trạng phải chờ Nghị Định hướng dẫn)

2. Nội dung điều kiện giao dịch chung không vi phạm điều cấm của Luật này, bảo đảm bình đẳng giữa các bên, tuân thủ quy định tại Bộ luật Dân sự.

3. Nội dung điều kiện giao dịch chung phải được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt, dễ hiểu, không gây nhầm lẫn, được hiển thị rõ ràng, ở vị trí dễ thấy trên nền tảng.

4. Nền tảng thương mại điện tử phải có cơ chế để người sử dụng đọc và bày tỏ sự đồng ý với điều kiện giao dịch chung trước mỗi lần gửi đề nghị giao kết hợp đồng.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này. (Nên bỏ khoản này để Luật có thể áp dụng đc ngay tránh tình trạng phải chờ Nghị Định hướng dẫn)

Điều 10. Địa điểm kinh doanh trong thương mại điện tử

1. Địa điểm kinh doanh của người bán được xác định theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

2. Trường hợp tổ chức có nhiều địa điểm kinh doanh hoặc cá nhân không đăng ký kinh doanh, địa điểm kinh doanh trong thương mại điện tử được xác định là địa điểm được chỉ ra trong hợp đồng hoặc là địa điểm có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

Điều 11. Giao kết hợp đồng trên nền tảng thương mại điện tử

1. Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến phải có cơ chế cho phép người mua tra soát thông tin, sửa đổi các nội dung dưới đây trước khi thực hiện đặt hàng:

a) Tên hàng hóa hoặc dịch vụ, Số lượng và phân loại của hàng hoá, dịch vụ;

b) Lựa chọn đơn vị vận chuyển, phương thức thanh toán và các thông tin ưu đãi khác;

c) Tổng trị giá của hợp đồng và các chi tiết liên quan đến giá trị đơn hàng người mua lựa chọn.

2. Hiển thị những thông tin về cách thức trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng và thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng.

3. Sau khi đặt hàng, các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này phải được lưu lại không sửa đổi được hiển thị và có khả năng truy cập theo dõi từ tài khoản của người mua.

Điều 12. Trách nhiệm của các bên trong giao kết, thực hiện hợp đồng tự động

 1. Chủ quản hệ thống thông tin tự động phải thông báo rõ ràng, đầy đủ cho các bên liên quan về cơ chế vận hành, điều kiện, quy trình tự động trước khi giao kết hợp đồng.

2. Chủ quản hệ thống thông tin tự động chịu trách nhiệm về điều kiện kỹ thuật, bảo đảm việc giao kết và thực hiện hợp đồng tự động được tiến hành minh bạch, an toàn, có khả năng truy vết, lưu trữ.

3. Người bán trong giao dịch hợp đồng tự động phải công bố rõ điều kiện giao kết và chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

4. Người mua có trách nhiệm kiểm tra thông tin trước khi đồng ý giao kết hợp đồng tự động và chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

5. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử phải bảo đảm xác thực giao kết và lưu trữ đầy đủ, an toàn dữ liệu về hợp đồng điện tử được giao kết thông qua hệ thống thông tin tự động.

Chương III

CÁC LOẠI HÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mục 1

NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 13. Điều kiện hoạt động đối với nền tảng thương mại điện tử

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp phải là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh dưới hình thức được pháp luật quy định tại Việt Nam.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử và nền tảng tích hợp đa dịch vụ là tổ chức, theo quy định của pháp luật tại Việt Nam.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp, nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử và nền tảng tích hợp đa dịch vụ, phải thông báo và đăng ký với Bộ Công Thương.

4. Bộ Công Thương quy định điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thông báo, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt thông báo đối với nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp; quy định điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử và nền tảng tích hợp đa dịch vụ.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử

1. Tuân thủ các quy định của Luật này, các quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, các quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, khuyến mại, quảng cáo, thuế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Công bố công khai về điều kiện giao dịch chung và tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật này.

3. Duy trì nền tảng đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản 3 Điều 13 Luật này.

4. Công bố đầy đủ, chính xác, rõ ràng thông tin về chủ quản nền tảng tại vị trí dễ thấy trên nền tảng.

5. Báo cáo trực tuyến định kì thông qua Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Có biện pháp kiểm tra, rà soát và xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật.

7. Phối hợp, hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, điều tra, xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. (Bỏ)

Điều 15. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 14 Luật này.

2. Bảo đảm hiển thị công khai thông tin về hàng hóa, dịch vụ trên nền tảng.

3. Gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong thời gian sớm nhất, không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Lưu trữ và bảo đảm khả năng truy cập thông tin, dữ liệu về hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trên nền tảng trong thời gian ít nhất 01 năm kể từ thời điểm đăng tải; thông tin, dữ liệu liên quan đến nội dung cơ bản của hợp đồng giao dịch trên nền tảng trong thời gian ít nhất 03 năm kể từ thời điểm giao kết hợp đồng. Đối với tài liệu kế toán, thực hiện lưu trữ theo quy định pháp luật về kế toán.

5. Trường hợp phát hiện hàng hoá, dịch vụ: vi phạm, lỗi, hư hỏng, hoặc có dấu hiệu không đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng, phải thông tin trực tiếp cho người mua sản phẩm, hàng hoá đó trên nền tảng; Có cảnh báo công khai, hoặc khoá, hạn chế, xoá hàng hoá dịch vụ đó.

6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh thực hiện trách nhiệm tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Thời gian 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh thực hiện lưu trữ và bảo đảm khả năng truy cập thông tin, dữ liệu về hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trên nền tảng trong thời gian 01 năm kể từ thời điểm đăng tải; thông tin, dữ liệu liên quan đến nội dung cơ bản của hợp đồng giao dịch trên nền tảng trong thời gian 01 năm kể từ thời điểm giao kết hợp đồng. Đối với tài liệu kế toán, thực hiện lưu trữ theo quy định pháp luật về kế toán. (Bỏ)

7. Chính phủ quy định khoản 2 Điều này. (Bỏ)

Điều 16. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 14, khoản 2, 3 và 4 Điều 15 Luật này.

2. Xác thực điện tử danh tính người bán có địa điểm kinh doanh trong nước theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử; Xác thực danh tính người bán nước ngoài thông qua các giấy tờ chứng minh hoạt động hợp pháp.

3. Yêu cầu người bán cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh sở hữu trí tuệ, nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng, hợp đồng uỷ quyền, hợp đồng đại lý đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện, trước khi cho phép thực hiện hoạt động bán hàng hoá, dịch vụ trên nền tảng.

4. Có công cụ kiểm duyệt tự động nội dung thông tin do người bán khởi tạo trước khi cho phép hiển thị trên nền tảng theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến, chủ quản nền tảng có trách nhiệm:

a) Bảo đảm hiển thị công khai thông tin về người bán trên nền tảng;

b) Yêu cầu người bán phải sử dụng tài khoản thanh toán của mình khi thực hiện giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử;

c) Trường hợp phát hiện hàng hoá có dịch vụ: vi phạm, lỗi, hư hỏng, hoặc có dấu hiệu không đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng, phải thông tin trực tiếp cho người mua sản phẩm, hàng hoá đó trên nền tảng; Công khai trên nền tảng thông tin về hàng hoá, dịch vụ: vi phạm, lỗi, hư hỏng, hoặc có dấu hiệu không đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng. Phối hợp với người bán để thực hiện việc thu hồi hàng hoá, dịch vụ khi được phát hiện theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp các thông tin cần thiết và hỗ trợ các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp;

đ) Cung cấp công cụ để người bán truy cập tài khoản để tải về dữ liệu hàng hoá, dịch vụ và thông tin của hợp đồng; (Khó thực hiện)

e) Cung cấp thông tin, mã lỗi cho người bán trước khi tạm ngừng, chấm dứt hoặc áp đặt bất kỳ hạn chế nào đối với tài khoản người bán, trừ trường hợp tạm ngừng, chấm dứt hoặc áp đặt hạn chế theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước hoặc khi nền tảng nhận được phản ánh hoặc phát hiện người bán có hành vi vi phạm pháp luật. Bảo đảm người bán có thể truy cập tài khoản để hoàn thành các nghĩa vụ đối với các đơn hàng trước khi vi phạm và rút số tiền còn trong số dư tài khoản nền tảng về tài khoản ngân hàng;

g) Cho phép người mua phản hồi, đánh giá về người bán và hàng hóa, dịch vụ do người bán cung cấp, đồng thời hiển thị đầy đủ, chính xác kết quả phản hồi, đánh giá, trừ trường hợp phản hồi, đánh giá đó vi phạm quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội.

h) Liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều này trực tiếp dẫn đến thiệt hại cho người mua. Việc xác định mức bồi thường thực hiện theo quy định tại pháp luật dân sự.

6. Đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn, ngoài các trách nhiệm nêu tại Điều này, chủ quản nền tảng có các trách nhiệm sau:

a) Xây dựng hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến trên nền tảng theo quy định tại Điều 46 Luật này;

b) Xây dựng giải pháp khả thi nhằm ngăn chặn thông tin, giao dịch giả mạo, các hành vi vi phạm pháp luật thực hiện trên nền tảng;

c) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước dữ liệu giao dịch; mô tả thuật toán bao gồm giải thích thiết kế, lô-gíc, tính năng, mô phỏng có liên quan trực tiếp đến hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật mà cơ quan quản lý nhà nước đang xem xét;

d) Không áp đặt người bán, người mua phải sử dụng dịch vụ thanh toán của một nhà cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ logistics của một nhà cung cấp mà không có lý do chính đáng.

7. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh không phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 6 Điều này. trong thời gian 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Bỏ

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. (Bỏ)

Điều 17. Trách nhiệm của chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 16 Luật này.

2. Phân loại và hiển thị dấu hiệu nhận diện tài khoản người bán với tài khoản khác.

3. Tách biệt nội dung hoạt động thương mại điện tử thành các chuyên mục, vị trí riêng biệt theo nguyên tắc không xen lẫn với nội dung khác trên nền tảng.

4. Có công cụ cho phép người bán và người mua xác nhận nội dung hợp đồng đối với giao dịch thông qua chức năng liên lạc trực tuyến được tích hợp trên nền tảng.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. (Bỏ)

Điều 18. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng tích hợp đa dịch vụ

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 14 Luật này.

2. Chỉ tích hợp nền tảng thương mại điện tử hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật tại Việt Nam.

3. Xây dựng tiêu chí kỹ thuật, bảo mật và các điều kiện liên quan đến việc phân quyền, truy cập, kiểm soát, sử dụng dữ liệu giữa các bên, đảm bảo tuân thủ pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

4. Có công cụ cho phép nền tảng được tích hợp truy cập và sử dụng dữ liệu do nền tảng đó tạo ra trên nền tảng tích hợp đa dịch vụ.

5. Gỡ bỏ nền tảng được tích hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm pháp luật trong thời gian sớm nhất, không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Lưu trữ thông tin, dữ liệu trao đổi giữa nền tảng tích hợp đa dịch vụ với nền tảng được tích hợp trong thời gian ít nhất 03 năm. Đối với tài liệu kế toán, thực hiện lưu trữ theo quy định pháp luật về kế toán.

7. Kết nối trực tuyến danh sách các nền tảng được tích hợp thông qua Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử.

8. Trường hợp nền tảng tích hợp đa dịch vụ là nền tảng số lớn, phải thực hiện các trách nhiệm sau:

a) Không được yêu cầu nền tảng được tích hợp phải sử dụng dịch vụ do nền tảng số tích hợp đa dịch vụ cung cấp hoặc chỉ định như một điều kiện bắt buộc để được tích hợp, trừ khi có thoả thuận hợp tác rõ ràng, minh bạch;

b) Không hạn chế các nền tảng được tích hợp thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc ký kết hợp đồng bên ngoài nền tảng tích hợp đa dịch vụ.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. (Bỏ)

Điều 19. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử được tích hợp trên nền tảng tích hợp đa dịch vụ

Thực hiện trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Luật này tương ứng với mô hình nền tảng thương mại điện tử.

Điều 20. Trách nhiệm của người bán trên nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

1. Cung cấp cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử thông tin định danh điện tử đối với người bán có địa điểm kinh doanh trong nước; các giấy tờ chứng minh hoạt động hợp pháp đối với người bán nước ngoài.

2. Cung cấp đầy đủ, rõ ràng thông tin về hàng hóa, dịch vụ, bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật, trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm, bao gồm: ngày, tháng, năm sản xuất; thời hạn sử dụng; số lô sản xuất; số khung, số máy; tiêu chuẩn kết quả cần đạt được trong cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

3. Cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử trước khi thực hiện hoạt động bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ trên nền tảng.

4. Tuân thủ các quy định của Luật này, các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, các quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, thuế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2

 HOẠT ĐỘNG LIVESTREAM BÁN HÀNG VÀ TIẾP THỊ LIÊN KẾT

Điều 21. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trong hoạt động livestream bán hàng

1. Xác thực danh tính người livestream theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

2. Công khai và thực hiện cơ chế, biện pháp kiểm soát theo thời gian thực nội dung livestream bán hàng, đồng thời ngay lập tức thực hiện các biện pháp ngăn chặn, dừng phát trực tuyến, gỡ bỏ thông tin hiển thị, đường dẫn liên kết khi phát hiện có nội dung vi phạm pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội.

3. Có biện pháp ngăn chặn livestream bán hàng đối với hàng hoá, dịch vụ cấm quảng cáo.

4. Trường hợp livestream bán hàng chứa nội dung có thể ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người chưa thành niên, nền tảng phải đưa ra lời nhắc nổi bật trước khi hiển thị thông tin

5. Lưu trữ và bảo đảm khả năng truy cập thông tin dữ liệu điện tử chứa hình ảnh, âm thanh của hoạt động livestream bán hàng trong thời gian ít nhất 01 năm kể từ thời điểm bắt đầu truyền phát. (không khả thi)

Điều 22. Trách nhiệm của người bán trong hoạt động livestream bán hàng

1. Cung cấp cho người livestream các tài liệu pháp lý chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa, dich vụ kinh doanh có điều kiện đối với hàng hóa, phải cung cấp các thông tin về hàng hóa, bao gồm:

a) Tên hàng hóa, xuất xứ, tên tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa;

b) Dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn (nếu có), ngày sản xuất, hạn sử dụng;

d) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Cung cấp cho người livestream các thông tin về hàng hóa, dịch vụ, bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật, trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm, bao gồm: ngày, tháng, năm sản xuất; thời hạn sử dụng; số lô sản xuất; số khung, số máy; tiêu chuẩn kết quả cần đạt được trong cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện đầu tư, kinh doanh.

3. Đối với hàng hoá, dịch vụ pháp luật quy định phải có văn bản xác nhận nội dung quảng cáo trước khi thực hiện quảng cáo, người bán chỉ được thực hiện bán hàng livestream sau khi có văn bản xác nhận nội dung quảng cáo. Nội dung bán hàng livestream phải phù hợp với nội dung quảng cáo được xác nhận.

Điều 23. Trách nhiệm của người livestream

1. Cung cấp thông tin cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử phục vụ việc định danh và xác thực điện tử.

 2. Không cung cấp thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn về công dụng, xuất xứ, chất lượng, giá cả, khuyến mại, chính sách bảo hành và các nội dung khác liên quan đến hàng hoá, dịch vụ.

3. Thực hiện đúng nội dung quảng cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc trường hợp pháp luật quy định phải xác nhận nội dung quảng cáo.

4. Bảo đảm sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, trang phục, hành vi không trái với đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục trong quá trình bán hàng livestream.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quảng cáo, thuế và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết trong thương mại điện tử

1. Xác thực danh tính người tiếp thị liên kết theo pháp luật định danh và xác thực điện tử.

2. Có cơ chế theo dõi, giám sát hoạt động của người tiếp thị liên kết, yêu cầu người tiếp thị liên kết không được thực hiện tiếp thị liên kết trên nền tảng số chưa đáp ứng điều kiện hoạt động tại Việt Nam.

3. Ngăn chặn, gỡ bỏ các liên kết cho hàng hoá, dịch vụ vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Chỉ hợp tác, cung cấp dịch vụ cho nền tảng thương mại điện tử được công bố hoạt động hợp pháp tại Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử.

5. Không tạo liên kết cho hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Lưu trữ thông tin cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết trong vòng 03 năm, bao gồm các thông tin: người bán, loại dịch vụ cung cấp, doanh thu.

Điều 25. Trách nhiệm của người tiếp thị liên kết trong thương mại điện tử

1. Cung cấp thông tin cho tổ chức cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết phục vụ việc xác thực và định danh điện tử.

2. Không được cung cấp thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn về công dụng, xuất xứ, chất lượng, giá cả, khuyến mại, chính sách bảo hành và các nội dung khác liên quan đến hàng hoá, dịch vụ.

3. Không được thực hiện tiếp thị liên kết trên các nền tảng số chưa đáp ứng điều kiện hoạt động tại Việt Nam.

4. Bảo đảm sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, trang phục, hành vi không trái với đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục trong quá trình tiếp thị liên kết.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quảng cáo, thuế và các quy định pháp luật có liên quan.

Mục 3

 HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 26. Xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử

1. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử phải đáp ứng quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và cam kết mở cửa thị trường trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

3. Người bán nước ngoài trên các nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu và các trách nhiệm của người bán theo quy định tại Luật này.

4. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

Điều 27. Điều kiện hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử là tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nền tảng có lựa chọn ngôn ngữ là tiếng Việt hoặc sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc đạt ngưỡng giao dịch với người mua tại Việt Nam, phải thành lập pháp nhân tại Việt Nam.

Trường hợp có quy định khác tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, chủ quản nền tảng phải chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền để thực hiện các trách nhiệm pháp lý của chủ quản nền tảng theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung ủy quyền giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và pháp nhân nhận ủy quyền đảm bảo thực hiện đầy đủ các trách nhiệm nêu tại Điều 28 và Điều 29 Luật này.

3. Thực hiện ký quỹ tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để giải quyết các vấn đề liên quan đến bồi thường thiệt hại cho người dùng nền tảng tại Việt Nam.

4. Bộ Công Thương quy định chi tiết Điều này; quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 28. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử là tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử quy định tại khoản 1 Điều 27 thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ chứng minh tính hợp pháp.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử quy định tại khoản 1 Điều 27 phải thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Luật này tương ứng với mô hình nền tảng thương mại điện tử.

3. Bộ Công Thương quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Trách nhiệm của pháp nhân được ủy quyền tại Việt Nam đối với nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp

Pháp nhân được uỷ quyền tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 27 phải thực hiện các trách nhiệm sau:

1. Nhận uỷ quyền thực hiện thủ tục pháp lý hoạt động thương mại điện tử, đăng ký thuế và thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế.

2. Truy cập vào nền tảng để kiểm tra, rà soát và xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật; Gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong thời gian sớm nhất không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Trường hợp phát hiện sản phẩm, hàng hoá có khuyết tật, phải thông tin trực tiếp cho người mua sản phẩm, hàng hoá đó trên nền tảng; phối hợp với chủ quản để thực hiện việc thu hồi sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp, hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, điều tra, xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật; thực hiện giải quyết tranh chấp, khiếu nại và bồi thường cho người tiêu dùng tại Việt Nam từ nguồn tiền ký quỹ.

5. Báo cáo trực tuyến định kì hoặc theo yêu cầu thông qua Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Chịu trách nhiệm liên đới trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều này. Việc xác định mức bồi thường thực hiện theo quy định tại pháp luật dân sự.

7. Thực hiện các trách nhiệm theo ủy quyền của tổ chức, cá nhân nước ngoài và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của pháp nhân được ủy quyền tại Việt Nam đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, nền tảng mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng tích hợp đa dịch vụ

1. Pháp nhân được uỷ quyền tại Việt Nam đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử quy định tại khoản 1 Điều 27 phải thực hiện các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 29 Luật này;

b) Phối hợp với chủ quản nền tảng để thực hiện các trách nhiệm quy định tại Luật này, các quy định của pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng, các quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, thuế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Phối hợp, hỗ trợ người mua và người bán trong việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại.

2. Pháp nhân được nền tảng tích hợp đa dịch vụ uỷ quyền tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 26 phải thực hiện các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện quy định tại khoản 1, 5, 6 Điều 29 Luật này;

b) Thực hiện các biện pháp tuân thủ các quy định pháp luật về chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Phối hợp, hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, điều tra, xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm việc cung cấp và cách thức dữ liệu được sử dụng có liên quan đến người bán trên nền tảng;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử

1. Nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư kinh doanh hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo pháp luật về đầu tư.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chi phối nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số lớn thì phải đáp ứng quy định về an ninh quốc gia theo quy định riêng.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh không phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này trong thời gian 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

4. Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương IV

 TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động thương mại điện tử

1. Dịch vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động thương mại điện tử trong phạm vi Luật này bao gồm:

a) Dịch vụ “chỉ truyền dẫn” là dịch vụ truyền dẫn trên mạng viễn thông và mạng Internet nội dung thông tin số do người sử dụng dịch vụ cung cấp hoặc dịch vụ cung cấp khả năng truy nhập vào mạng viễn thông và mạng Internet;

b) Dịch vụ “lưu trữ đệm” là dịch vụ truyền dẫn trên mạng viễn thông và mạng Internet nội dung thông tin số do người sử dụng dịch vụ cung cấp mà có hoạt động lưu trữ tự động, trung chuyển và tạm thời nội dung thông tin số đó. Hoạt động lưu trữ tự động, trung chuyển và tạm thời này được thực hiện với mục đích duy nhất là làm cho việc chuyển tiếp nội dung thông tin số đó một cách hiệu quả hơn đến người sử dụng dịch vụ khác theo yêu cầu của họ;

c) Dịch vụ “lưu trữ nội dung thông tin số theo yêu cầu” là dịch vụ cho người sử dụng lưu trữ nội dung thông tin số do người sử dụng cung cấp theo yêu cầu của họ.

d) Dịch vụ lưu trữ ứng dụng thương mại điện tử (CHPlay, AppStore, AppGallery…)

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động thương mại điện tử có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm ngăn chặn hành vi vi phạm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

c) Chỉ hợp tác cung cấp dịch vụ lưu trữ đối với các ứng dụng thương mại điện tử đã được công bố hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Không áp dụng đối với doanh nghiệp khởi nghiệp, vừa và nhỏ, hoặc siêu nhỏ.

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử

Tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử có trách nhiệm:

1. Có cơ chế và biện pháp kiểm tra thông tin, hồ sơ, giấy tờ kèm theo hàng hóa trước khi thực hiện vận chuyển; Thực hiện vận chuyển hàng hóa trong phạm vi hoạt động theo hợp đồng và đúng quy định của pháp luật có liên quan; Từ chối vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm kinh doanh, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc hàng hóa vi phạm quy định pháp luật khác khi có căn cứ rõ ràng theo pháp luật có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phối hợp với nền tảng thương mại điện tử, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý các vụ việc liên quan đến gian lận thương mại, buôn lậu; sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc hàng hóa vi phạm quy định pháp luật khác. Trường hợp phát hiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có trách nhiệm thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời gian sớm nhất, không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Lưu trữ thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật về bưu chính và cung cấp thông tin đã lưu trữ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động thương mại điện tử.

4. Chỉ hợp tác, cung cấp dịch vụ cho nền tảng thương mại điện tử được công bố hoạt động hợp pháp tại Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử. (bỏ) Hoặc không áp dụng đối với doanh nghiệp khởi nghiệp, vừa và nhỏ, hoặc siêu nhỏ, …

5. Trong trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ logistics thực hiện dịch vụ thu hộ, phải cung cấp thông tin tài khoản thanh toán của tổ chức để người mua lựa chọn việc thanh toán qua tài khoản đó.

6. Cho phép người sử dụng dịch vụ theo dõi hành trình vận chuyển, bao gồm thông tin kho hàng, thời gian nhận hàng, giao hàng để cung cấp thông tin cho người mua, người bán trên nền tảng.

7. Báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử

Tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử có trách nhiệm:

1. Báo cáo thông tin về giao dịch liên quan đến gian lận thanh toán, lừa đảo chiếm đoạt tiền của người mua, gian lận thuế, gian lận thương mại, buôn lậu; kinh doanh hàng cấm, hàng giả, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc hàng hóa vi phạm quy định pháp luật khác phát sinh qua nền tảng thương mại điện tử theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chỉ hợp tác, cung cấp dịch vụ cho nền tảng thương mại điện tử được công bố hoạt động hợp pháp tại Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử. (bỏ) Hoặc không áp dụng đối với doanh nghiệp khởi nghiệp, vừa và nhỏ, hoặc siêu nhỏ, …

Điều 35. Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Điều kiện cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:

a) Là tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Đáp ứng các quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Đáp ứng các quy định khác theo quy định của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm về tính bảo mật và toàn vẹn của hợp đồng điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực.

b) Cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực.

b) Công bố công khai Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.

c) Kết nối với Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử, báo cáo về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo yêu cầu.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; thẩm quyền, quy trình, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

Chương V

PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 36. Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử quốc gia

1. Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch thương mại điện tử quốc gia được Chính phủ ban hành theo từng thời kỳ để thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Phát triển thương mại điện tử khu vực, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn;

b) Bảo vệ quyền lợi của các đối tượng yếu thế doanh nghiệp khởi nghiệp, vừa và nhỏ, hoặc siêu nhỏ khi tham gia hoạt động thương mại điện tử; Bảo vệ các ngành hàng truyền thống, bản địa.

c) Thúc đẩy phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã tham gia hoạt động thương mại điện tử;

d) Thực hiện các dự án, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để phát triển thương mại điện tử;

đ) Hỗ trợ các mô hình thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực thương mại điện tử;

e) Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử xanh và bền vững;

g) Hỗ trợ đào tạo thương mại điện tử tại các địa phương vùng sâu, vùng xa; phát triển nền tảng học tập số quốc gia cung cấp các khóa học mở trực tuyến mở về thương mại điện tử;

h) Các nhiệm vụ quan trọng khác trong từng thời kỳ.

2. Bộ Công Thương xây dựng trình Chính phủ phê duyệt Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển thương mại điện tử quốc gia.

3. Các bộ ngành xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể căn cứ vào Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển thương mại điện tử quốc gia đã phê duyệt.

4. Căn cứ các Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các Chương trình, Kế hoạch theo phạm vi thẩm quyền và trên địa bàn quản lý.

Điều 37. Tài chính hỗ trợ phát triển thương mại điện tử

1. Nguồn tài chính hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cho thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập kế hoạch, dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực và cân đối ngân sách nhà nước hằng năm để hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho các chương trình, nhiệm vụ phát triển thương mại điện tử từ nguồn tài chính hỗ trợ phát triển thương mại điện tử quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 38. Phát triển thị trường thương mại điện tử

1. Nhà nước xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao giá trị, năng lực cạnh tranh của thương mại điện tử Việt Nam, ứng dụng thương mại điện tử trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế, không ngừng mở rộng quy mô thị trường thương mại điện tử Việt Nam.

2. Thúc đẩy việc đầu tư và xây dựng hạ tầng thương mại điện tử bao gồm: hạ tầng số, hạ tầng logistics, hạ tầng thanh toán và các hạ tầng khác để hoàn thiện hệ sinh thái thương mại điện tử một cách toàn diện.

3. Khuyến khích phát triển các loại hình thương mại điện tử mới, tạo ra các mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đưa ra các sáng kiến trong thương mại điện tử vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu của thị trường.

4. Khuyến khích nền tảng thương mại điện tử có chính sách hỗ trợ đối với sản phẩm, hàng hoá có xuất xứ Việt Nam, các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của địa phương, vùng miền; ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh mà trong nước sản xuất được.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tiếp cận, mua bán sản phẩm, hàng hoá có xuất xứ Việt Nam, các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của địa phương, vùng miền trên các nền tảng thương mại điện tử

6. Có chính sách ưu tiên tổ chức, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, hàng hoá có xuất xứ Việt Nam, các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của địa phương, vùng miền tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại điện tử xuyên biên giới; miễn phí tư vấn pháp luật về thương mại điện tử.

7. Nhà nước bảo đảm tính đồng bộ giữa trung ương và địa phương trong việc thiết lập, xây dựng các chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy xuất khẩu thông qua thương mại điện tử.

8. Nhà nước thúc đẩy phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới bằng việc hoàn thiện, thuận lợi hóa các hệ thống quản lý như hải quan, thuế, thanh toán nhằm nâng cao mức độ thuận tiện của thương mại điện tử xuyên biên giới.

9. Tùy vào tình hình phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định cơ chế, chính sách quản lý, phát triển hoạt động thương mại số.

10. Nhà nước khuyến khích việc thiết lập trao đổi và hợp tác thương mại điện tử xuyên biên giới với các quốc gia và khu vực khác, tham gia xây dựng các quy tắc quốc tế về thương mại điện tử và thúc đẩy sự công nhận lẫn nhau về giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong thương mại.

Điều 39. Phát triển thương mại điện tử xanh và bền vững

1. Dự án đầu tư trong hoạt động thương mại điện tử được hưởng ưu đãi đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư khi đáp ứng các tiêu chí phát triển xanh, bền vững.

2. Đối với các dự án đầu tư đang hoạt động, khi đáp ứng các tiêu chí phát triển xanh, bền vững, dự án được hưởng ưu đãi đặc biệt cho thời gian còn lại trong vòng đời của dự án.

3. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp xây dựng và thực hiện các giải pháp thương mại điện tử bền vững nhằm giảm lượng rác thải từ quá trình sản xuất và vận chuyển, tạo ảnh hưởng tích cực đến môi trường trong các giao dịch thương mại điện tử.

4. Nhà nước khuyến khích nền tảng thương mại điện tử áp dụng các dấu hiệu nhận diện bằng nhãn “xanh”, “bền vững”, “có trách nhiệm” hoặc các dấu hiệu nhận diện khác đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cung cấp trên nền tảng thương mại điện tử.

5. Nhà nước có cơ chế hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, nghiên cứu, cải tiến, chuyển đổi hoạt động thương mại điện tử bằng việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường trong việc vận hành, đóng gói, giao nhận theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường từ nguồn tài chính cho phát triển thương mại điện tử theo quy định tại Điều 37 của Luật này.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có cơ chế hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và vận hành kho hàng, trung tâm phân phối phục vụ thương mại điện tử áp dụng tiêu chuẩn công trình xanh, tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa chuỗi cung ứng và giảm lượng phát thải từ hoạt động logistics.

Điều 40. Phát triển nguồn nhân lực cho thương mại điện tử

1. Nhà nước khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chính quy về thương mại điện tử, nội dung chương trình bao gồm pháp luật thương mại điện tử và phát triển bền vững; chương trình đào tạo cần bám sát nhu cầu thị trường lao động.

2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử tham gia vào việc đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng nhận kỹ năng nghề nghiệp.

3. Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho hoạt động đào tạo thương mại điện tử tại các địa phương vùng sâu, vùng xa; phát triển nền tảng học tập số quốc gia cung cấp các khóa học mở trực tuyến mở về thương mại điện tử; doanh nghiệp đầu tư vào đào tạo nhân lực thương mại điện tử được hưởng ưu đãi thuế và được phép sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 41. Chính sách đặc thù hỗ trợ một số đối tượng phát triển thương mại điện tử

1. Đối tượng được hưởng cơ chế, chính sách đặc thù bao gồm:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo trong thương mại điện tử;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong sản xuất, chế biến nông sản và ngành nghề truyền thống;

c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật;

d) Người khuyết tật, người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh;

đ) Tổ chức, cá nhân là người dân tộc thiểu số, người sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

2. Các chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ các đối tượng nêu tại khoản 1 bao gồm:

a) Hỗ trợ chi phí kết nối hạ tầng số, thiết lập gian hàng trên nền tảng thương mại điện tử;

b) Miễn phí hoặc hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử;

c) Hỗ trợ tiếp cận để thực hiện các thủ tục hành chính;

d) Tạo điều kiện tiếp cận các chính sách ưu đãi về chuyển đổi số quốc gia và chương trình khuyến khích đổi mới sáng tạo;

đ) Ưu tiên xây dựng mô hình điểm về thương mại điện tử tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các chính sách hỗ trợ cụ thể quy định tại khoản 2 Điều này tùy thuộc vào nhu cầu và tình hình phát triển của địa phương theo từng thời kỳ.

Điều 42. Chính sách hỗ trợ xuất khẩu qua thương mại điện tử

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện xuất khẩu trong khu hỗ trợ thương mại điện tử xuyên biên giới, bao gồm:

a) Nhà nước thúc đẩy hình thành hệ sinh thái thương mại điện tử bao gồm: thanh toán, vận chuyển, kho hàng, đóng gói, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ hỗ trợ, tư vấn pháp lý.

b) Chính sách phát triển kho hàng và trung tâm phân phối hàng hoá thông minh trong thương mại điện tử, ưu tiên đầu tư vào công nghệ tự động hoá nhằm giảm thời gian, tối ưu hoá quy trình xử lý; chú trọng xây dựng các kho hàng có thiết kế giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo trong chu trình xử lý.

c) Chính sách ưu đãi về quy trình thông quan, kiểm tra, kiểm dịch, kê khai và nộp thuế, bảo hiểm.

d) Khuyến khích các địa phương xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư về kho ngoại quan để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu qua thương mại điện tử, bảo đảm có ưu đãi về chi phí thuê kho bãi, logistics và các chi phí liên quan khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các chính sách hỗ trợ cụ thể quy định tại khoản 1 Điều này tủy thuộc vào nhu cầu và tình hình phát triển của địa phương theo từng thời kỳ.

Chương VI

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 43. Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử

1. Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử là nền tảng do Bộ Công Thương xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác đồng bộ và thống nhất quản lý, phát triển thương mại điện tử, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Chức năng của Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử:

a) Tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử trên phạm vi cả nước;

b) Tiếp nhận, xử lý các phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các nền tảng thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử trung gian, người bán vi phạm pháp luật;

c) Tiếp nhận, xử lý các báo cáo, thống kê thương mại điện tử;

d) Công bố danh sách nền tảng thương mại điện tử, danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại hoạt động hợp pháp;

đ) Công bố danh sách nền tảng thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 44. Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử

1. Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử bao gồm:

a) Dữ liệu về quản lý thương mại điện tử;

b) Dữ liệu về giao dịch trong thương mại điện tử;

c) Dữ liệu về quy mô thị trường thương mại điện tử;

d) Dữ liệu về định danh người bán trên các nền tảng thương mại điện tử;

đ) Dữ liệu về hải quan, xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử;

e) Dữ liệu về thuế trong thương mại điện tử;

g) Dữ liệu về vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử;

h) Dữ liệu về dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán trong thương mại điện tử;

i) Dữ liệu về chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và các chính sách, quy định trong lĩnh vực thương mại điện tử;

k) Dữ liệu về chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại;

l) Dữ liệu liên quan khác phục vụ công tác quản lý và phát triển về thương mại điện tử.

2. Các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội có hoạt động thương mại điện tử, nền tảng tích hợp đa dịch vụ, nền tảng cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử, các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu có liên quan đến phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp, cập nhật các thông tin nêu tại khoản 1 Điều này, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng của dữ liệu được cập nhật chia sẻ.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử tại trung ương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Thu thập, cập nhật, tiếp nhận và quản lý cơ sở dữ liệu thương mại điện tử;

c) Kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu thương mại điện tử với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cổng dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các Bộ, ngành, địa phương có liên quan theo phạm vi được phân công;

d) Cung cấp thông tin về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu thương mại điện tử.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 45. Ứng dụng công nghệ trong quản lý hoạt động thương mại điện tử

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (blockchain), Internet vạn vật (IoT) trong hoạt động giám sát, cảnh báo sớm, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật trong thương mại điện tử.

2. Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử và cơ sở dữ liệu thương mại điện tử quy định tại các Điều 43 và Điều 44 của Luật này cần tích hợp công cụ phân tích, dự báo rủi ro theo thời gian thực, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và giảm thiểu hành vi vi phạm.

3. Việc ứng dụng công nghệ quy định tại khoản 1 phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, không làm phát sinh chi phí tuân thủ bất hợp lý cho doanh nghiệp và phù hợp với các nguyên tắc quản lý dữ liệu công cộng.

Chương VII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 46. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử

1. Việc giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử phải tuân theo các nguyên tắc, quy định về giải quyết tranh chấp theo pháp luật về thương mại, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, pháp luật về dân sự, pháp luật về tố tụng dân sự và pháp luật về tố tụng trọng tài và trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng được giao kết trên nền tảng thương mại điện tử và điều kiện giao dịch chung được công bố trên nền tảng thương mại điện tử tại thời điểm giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các nguyên tắc nêu tại khoản 1 Điều này, chủ quản nền tảng thương mại điện tử theo quy định của Luật này xây dựng hệ thống xử lý khiếu nại trực tuyến cho người sử dụng và đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Hệ thống xử lý khiếu nại trực tuyến dễ dàng truy cập, thân thiện người sử dụng, cho phép cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi các khiếu nại có đủ cơ sở chính xác và đầy đủ, cho phép người sử dụng gửi và theo dõi tiến trình xử lý khiếu nại có đầy đủ căn cứ;

b) Chủ quản nền tảng thương mại điện tử xử lý khiếu nại được gửi một cách kịp thời, không phân biệt đối xử, cẩn trọng, bảo đảm căn cứ vào chứng cứ, dữ liệu giao dịch điện tử và quy định pháp luật có liên quan;

c) Chủ quản nền tảng thương mại điện tử thông báo ngay cho người khiếu nại về quyết định của họ đối với thông tin liên quan đến khiếu nại và các hình thức giải quyết tranh chấp áp dụng và các khả năng khắc phục;

d) Chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải đảm bảo các quyết định được đưa ra dưới sự giám sát của nhân viên có trình độ phù hợp và không chỉ dựa trên các phương tiện tự động.

Điều 47. Kiểm tra trong thương mại điện tử

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại điện tử quy định tại Luật này chịu sự kiểm tra của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trong từng thời kỳ, kiểm tra hoạt động thương mại điện tử theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ, kiểm tra theo phương thức trực tuyến.

Điều 48. Xử lý vi phạm trong thương mại điện tử

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử có hành vi vi phạm quy định của Luật này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo một hoặc nhiều hình thức sau đây:

a) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Áp dụng biện pháp kỹ thuật như chặn truy cập, tạm ngừng chức năng giao dịch của nền tảng thương mại điện tử; gỡ bỏ nội dung, tài khoản truy cập vi phạm trên nền tảng thương mại điện tử; rút khỏi danh sách đã công bố về nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo, đăng ký; rút khỏi danh sách đã công bố về hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã được cấp phép.

c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, khôi phục quyền lợi của các bên liên quan;

d) Trường hợp gây thiệt hại, tổ chức, cá nhân vi phạm phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết về hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử; quy trình phối hợp xử lý, biện pháp kỹ thuật và trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong giám sát và xử lý vi phạm.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Điều 50. Quy định chuyển tiếp

1. Xác nhận thông báo, đăng ký hoạt động website, ứng dụng thương mại điện tử được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng tối đa 12 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực.

2. Xác nhận đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027.

3. Đối với hồ sơ thông báo, đăng ký của website thương mại điện tử bán hàng, website ứng dụng cung cấp dịch vụ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa được xác nhận thông báo, đăng ký thì được tiếp tục áp dụng quy định của Nghị định số 52/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng ..... năm 20.....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nên quy định thêm trách nhiệm của:

Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng

Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam

VCCI

Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam